

QUAN ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO VỀ TRÍ TUỆ

LÊ NGỌC CƯƠNG^(*)

Phật giáo là một tôn giáo có nhiều tông phái và những phái sinh từ các tông phái chính, nhưng các tông phái của Phật giáo đều có một căn bản tư tưởng chung, đều dựa trên một nền tảng lí luận chung. Những tư tưởng chung này làm cột trụ tinh thần cho Phật giáo và xuyên suốt mọi tông phái của Phật giáo. Chúng là nguyên tính, là cái làm nên Phật chất, cái làm cho Phật giáo là Phật giáo, phân biệt Phật giáo với các tôn giáo khác, xét từ góc độ lí luận. Nguyên tính tư tưởng làm nên Phật chất xuyên suốt mọi kinh điển, mọi tông phái của Phật giáo và là hành trang mang theo mình của Phật giáo đồ trên con đường tu chính là *trí tuệ* và *từ bi*. Hai Phật chất này làm nên cột trụ tinh thần của ngôi nhà Phật giáo. Sự vững chắc, sự lan tỏa và sự miên viễn cùng thời gian của Phật giáo bắt nguồn chính từ hai cột trụ tư tưởng này. Chúng là những "viên xá lợi" tinh thần mà Phật giáo đã để lại qua mọi biến thiên, mọi thăng trầm của lịch sử, mọi chế độ chính trị - xã hội ở bất kì quốc gia nào có Phật giáo truyền đến. Nhận thấy những giá trị triết học về nhận thức và giá trị kiến tạo xã hội tiến bộ của Phật giáo, bài viết của chúng tôi bước đầu khảo cứu một trong hai "viên xá lợi" tinh thần - *trí tuệ* - mà Phật giáo đã để lại trong di sản kinh điển của mình.

Bến mê hay bờ bên này⁽¹⁾

Duy thức học hay duy biểu học⁽²⁾ là một môn tâm lí học của Phật giáo, một môn học diễn giảng về quá trình nhận thức của con người. Theo Duy thức học bất kì quá trình nhận thức nào cũng là sự thống nhất giữa chủ thể và khách thể, trong đó chủ thể là con người với các giác quan và khách thể là các pháp (sự vật, hiện tượng) làm đối tượng cho các giác quan. Sự phối hợp hoạt động giữa chủ thể nhận thức và khách thể nhận thức tạo nên quá trình nhận thức và là nguồn gốc đưa đến sự hiểu biết, trí thức, trí tuệ của con người. Bất kì trí thức nào và bất kì hệ thống trí thức nào cũng đều là kết quả của quá trình tương tác giữa chủ thể và khách thể. Mọi trí thức đều thu lượm được bằng con đường như vậy. Trí thức là con đường đưa con người đến tuệ giác, đến trí tuệ. Với tuệ giác, với trí tuệ, con người hoàn toàn sở đắc chân lí về vũ trụ, về nhân sinh và với tuệ giác, trí tuệ con người mới có căn cứ để hình thành lối sống có đạo đức mà từ bi là phẩm chất cao nhất của lối sống đó, mới ứng xử đúng với bản thân, với tha nhân.

*. ThS., Đại học Giao thông Vận tải, Hà Nội.

1. Tâm Huệ Hy. *Danh từ Phật học thực dụng*, Nxb. Tôn giáo, 2005, tr. 68: "Bờ mê cũng gọi là bến mê, cảnh giới của chúng sinh còn sống trong vô minh, mê lầm".

2. Tâm Huệ Hy. *Danh từ Phật học thực dụng*, Nxb. Tôn giáo, 2005, tr. 121: "Duy thức là môn tâm lí học của Phật pháp. Duy biểu là tên mới của Duy thức".

Quả thật, dù không phải là triết thuyết thuần túy, chuyên biệt nhưng với quan niệm như vậy Phật giáo tỏ ra là người bạn đường của khoa học hay ít nhất cũng chung đường với khoa học về mặt tư tưởng. Tuy nhiên cũng từ lập luận và quan niệm như vậy đã đặt ra vấn đề: Phải chăng có hiểu biết, có tri thức là có tuệ giác, có trí tuệ? Phải chăng mọi hiểu biết, mọi tri thức đều đưa đến tuệ giác, đều đưa đến trí tuệ? Phải chăng sở đắc được nhiều hiểu biết, nhiều tri thức là đạt tới tuệ giác, đạt tới trí tuệ?

Phật giáo đã khẳng định rằng, không phải mọi hiểu biết, mọi tri thức đều đưa đến tuệ giác, đến trí tuệ; không phải sở đắc nhiều hiểu biết, nhiều tri thức là đạt tới tuệ giác, đạt tới trí tuệ. Trí tuệ không phải là sở đắc được nhiều hiểu biết, nhiều tri thức. Chỉ những hiểu biết đúng, chỉ những tri thức phản ánh đúng, những tri thức phản ánh vũ trụ, nhân sinh như nó là mới dẫn con người đến tuệ giác, đến trí tuệ. Vậy hiểu biết đúng, tri thức đúng hay hiểu biết thế giới như nó là hay tri thức phản ánh thế giới như nó là, là hiểu biết như thế nào, tri thức như thế nào?

Theo Phật giáo có hai sự thật hay hai chân lí mà ngôn từ của nhà Phật gọi là hai đế. Đó là *tục đế* và *chân đế*. Tục đế⁽³⁾ là sự thật tương đối, còn được gọi là thế đế hay thế tục đế. Chân đế⁽⁴⁾ là sự thật tuyệt đối, còn được gọi là thắng đế hay đệ nhất nghĩa đế. Tục đế là chân lí tương đối, là tri thức phản ánh thế giới hiện tượng. Đó là thế giới biểu hiện muôn sai ngàn khác với các hình thù, tướng trạng khác nhau của các sự vật, hiện tượng xung quanh con người. Thế giới này có sinh có diệt, với các biểu hiện: Cao - thấp, dài - ngắn, tròn - méo, đen - trắng, cứng - mềm, v.v...

Tri thức phản ánh thế giới này mới chỉ dừng lại ở hiểu biết bên ngoài vì nó vẫn còn nằm trong vòng đối lập, đối đãi, đối trị của những khuynh hướng trái ngược nhau. Với tri thức như vậy, con người cũng đạt tới trí tuệ nhưng là trí tuệ nửa vời, trí tuệ một nửa. Bởi vì, ngoài thế giới hiện tượng mà tục đế phản ánh còn có thế giới bản thể gắn liền, không tách rời với thế giới hiện tượng. Là hai thế giới nhưng tuy hai mà một, tuy một mà hai. Thế giới hiện tượng không tách rời thế giới bản thể, thế giới bản thể không tách rời thế giới hiện tượng. Nếu nhận thức của con người đóng chặt, dừng lại ở thế giới hiện tượng thì con người mới đi nửa đường chân lí và con người vẫn ở trong bến mê, chưa ra khỏi bến mê; con người vẫn đứng ở bờ bên này, vẫn vô minh.

Bến giác hay bờ bên kia⁽⁵⁾

Nghiên cứu các kinh điển của Phật giáo người ta thường bắt gặp các thuật ngữ như tuệ, tuệ giác, trí tuệ, huệ, trí huệ. Theo các kinh điển của Phật giáo thì các thuật ngữ này được Phật tổ Như Lai thuyết pháp trong nhiều bối cảnh khác nhau. Theo *Đại trí độ luận* thì bờ bên này là Thế Gian, bờ bên kia là Niết Bàn. Theo Minh Chánh Thiên sư thì mất trí huệ rơi vào vô minh thì gọi là bờ bên này, nương theo trí huệ là bờ bên kia. Tổng hợp lại, chuyển hóa quá trình nhận thức từ bến

3. Tâm Huệ Hỷ. *Danh từ Phật học thực dụng*, Nxb. Tôn giáo, 2005, tr. 516: "Tục đế... còn gọi là thế đế, giả đế, thế tục đế".

4. Tâm Huệ Hỷ. *Danh từ Phật học thực dụng*, Nxb. Tôn giáo, 2005, tr. 85: "Chân đế: Chân lí tuyệt đối tối hậu không hư vọng... còn gọi là Thật đế, Đệ nhất nghĩa đế, Thắng nghĩa đế".

5. Tâm Huệ Hỷ. *Danh từ Phật học thực dụng*, Nxb. Tôn giáo, 2005, tr. 68: "... Bến giác là cảnh giới chúng sinh đã giác ngộ".

mê, từ bờ bên này đến bến giác hay đến bờ bên kia là quá trình đạt tới tuệ giác, tới trí tuệ mà ngôn từ của nhà Phật gọi là trí tuệ bát nhã. Đạt tới trí tuệ bát nhã là đạt tới chân đế, đạt tới hiểu biết thế giới bản thể, đạt tới hiểu biết vũ trụ, vạn vật như nó là. Theo các kinh điển như *Đại trí độ luận*, *Lăng già*, *Kim cương*, *Bát nhã Ba la mật đa tâm kinh*, bến giác hay trí tuệ bát nhã được hình dung như sau:

Trí tuệ bát nhã là trí tuệ cao siêu, tột bậc, là nhận thức đầy đủ, hoàn toàn, trọn vẹn hay toàn giác về thế giới. Đó là năng lực nhận thức sáng suốt, thông suốt chân tướng vạn vật, vạn sự hay bản lai diện mục của vạn vật, vạn sự; là thấy cái đúng, chính xác về sự vật và hiểu biết tột cùng, rốt ráo về sự vật, là thấy, biết sự vật đúng như nó là; là cái thấy, cái biết như thực, như thị. Thế giới như thế nào, thực tại như thế nào thì nắm bắt và hiểu biết nó đúng như thế.

Trí tuệ bát nhã là cái biết do kinh nghiệm của bản thân, cái thấy trực tiếp của con người về bản lai diện mục của thế giới. Đó là cái biết trực tiếp của kinh nghiệm thực chứng về thực tại, cái biết không phải của tri thức suy luận, của kiến thức. Đó là cái biết tròn đầy, viên mãn mà con người đạt được khi chứng đắc viên mãn thế giới, là chân tâm. Đó không phải là cái hiểu biết mê lầm (vọng tâm), say đắm (chấp trước) mà là cái hiểu biết sáng suốt, giải thoát, tự tại mà con người đạt được bằng nội chứng, bằng việc gột sạch những chấp trước về thân, tâm và cảnh, bằng việc gột sạch cái tâm phân biệt, vọng tưởng, bằng việc đập bằng mọi biên giới giả tạo do tri thức, kiến thức, do chân lí tương đối tạo ra.

Trí tuệ bát nhã là sự minh triết bằng nội chứng của bản thân con người. Đó không phải là hiểu biết bằng sự thu lượm kiến thức thông qua người khác mà là sự minh triết của tâm hồn, bên trong mỗi người; là minh triết được cảm nhận, thấu triệt trong im lặng tuyệt đối, trong chiều sâu nội tâm của con người. Đó là sự trùng phùng, miên viễn của tư duy quán chiếu, xuyên thấu vạn vật, thấy rõ hồn cốt của vạn vật như nó là ngay trong chiều sâu tâm thức của con người. Đó là sự bừng sáng của cảm quan về vũ trụ, dẹt nên tấm lưới hiểu biết chân chính, trong đó vạn vật được thấy, được biết như chúng có, chúng biểu hiện ra, trong đó sự vật được định danh như chính nó, như chính chúng biểu hiện.

Theo Phật giáo, các bậc Thánh trí, các hàng Bồ tát là những bậc đã nhập lưu, đã "đáo bỉ ngạn" tức là đã qua bờ bên kia của nhận thức. Họ đã vượt qua những ảo ảnh sai lầm, đã thắng phục được ảo ảnh và đã đạt đến Niết Bàn của nhận thức. Cái thấy, cái biết của họ là cái thấy minh triết, cái thấy bản lai diện mục. Họ, vì vậy, là những bậc đã phát triển được Phật tính trong mình. *Kinh tạp A hàm* viết: "Người nào thấy được tính duyên khởi là thấy được Phật, thấy được Phật trong bản chất"⁽⁶⁾.

Với trí tuệ bát nhã, với chân đế, "bức tranh toàn cảnh" của thế giới, của vạn vật vạn sự được Phật giáo hình dung như sau:

Thế giới không phải là sản phẩm của một Đấng Sáng tạo tối cao toàn trí, toàn năng nào mà thế giới vốn có như vậy, là nguyên nhân của chính nó. Không có Đấng Sáng tạo tối cao toàn trí, toàn

6. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. *Kinh Tạp A Hàm*, kinh 28, 1995, tr. 112.

năng xếp đặt và cai quản, định vị và an bài vạn vật, vạn sự. Tất cả từ các hiện tượng vật lí đến tâm lí đều tương quan, tương duyên. Vạn vật, vạn sự tương quan, tương duyên mà sinh thành, diễn tiến. Không có ai là chủ thể sáng tạo ra chúng. *Kinh Mahā Bodhi Jātaka* viết: "Nếu có một thần linh toàn quyền, ban phước cũng như gieo họa cho tạo vật được chính Ngài tạo ra và cho chúng những hành động tốt hay xấu. Thần linh ấy quả thật đầy tội lỗi. Con người chỉ thừa hành ý của Ngài"⁽⁷⁾.

Theo Phật giáo, vạn vật, vạn sự trên thế gian đều liên hệ, phụ thuộc lẫn nhau trong một mạng lưới phức tạp của các nguyên nhân và điều kiện. Vạn vật, vạn sự tương duyên với nhau làm cho bản thân chúng không thể tồn tại độc lập, biệt lập, tách biệt, riêng biệt. *Kinh Trung A hàm* viết: "Vì cái này có nên cái kia có. Vì cái này không nên cái kia không. Vì cái này sinh nên cái kia sinh. Vì cái này diệt nên cái kia diệt"⁽⁸⁾. Thế giới vì vậy, theo sự hình dung của trí tuệ bát nhã, là một mạng lưới nhân quả tác động liên tục, tuyệt đối, không có lúc bắt đầu, không có lúc kết thúc. Nhân quả là một chuỗi vô cùng tận, không đầu không cuối.

Thế giới có bản tính vô thường. Vô thường là "bản lai diện mục", là bộ mặt thật của thế giới. Vì vạn vật, vạn sự nương tựa phụ thuộc vào nhau nên tất cả đều không có bản tính độc lập, không phụ thuộc. Đứng về phương diện không gian thì vạn vật, vạn sự không thể tự mình có được mà phải tương duyên mới khởi phát, hình thành. Đứng về phương diện thời gian thì vạn vật, vạn sự không phải bất biến mà thường biến. Tất cả đều không có tính trường tồn, bất biến nên

vạn vật tồn tại nhưng không thật tồn tại mà giả tồn tại hay giả tồn. Vạn vật hiện hữu, có mặt nhưng không thật hiện hữu, có mặt mà giả hiện. Vạn vật chỉ là nhất thời, tạm thời, thoáng qua, tương đối. *Kinh Lăng già* viết: "Tất cả các sự vật đều không có tự tính vì rằng chỉ có một sự tác động ngay liền không gián đoạn và những biến đổi từ trạng thái này sang trạng thái khác được quán thấy khắp hiện hữu. Nếu có tự tính không bị ảnh hưởng của các thay đổi và biến hóa thì các dòng sinh hóa này của vũ trụ không bao giờ xảy ra"⁽⁹⁾.

Thế giới là bánh xe luân hồi chuyển động vĩnh viễn, bất tận. Do tương quan, tương duyên, vạn vật hợp tan, tan hợp. Duyên hợp thì vạn vật khởi phát, hình thành, hiện hữu, xuất hiện; Duyên tan thì vạn vật tàn lụi, tiêu biến. Lịch trình của vạn vật, vạn sự là sinh - trụ - dị - diệt hay thành - trụ - hoại - không. Lịch trình đó tạo thành bánh xe cuốn tất cả vạn vật vạn sự vào dòng chuyển động miên viễn. Mỗi sự vật hiện tượng vì vậy chỉ có mặt nhất thời so với dòng biến hóa liên tục, tuyệt đối. Sự hình thành, xuất hiện của con người không nằm ngoài lịch trình sinh - trụ - dị - diệt nói chung của vạn vật, vạn sự. Ở con người do gieo nhân tạo nghiệp mà bánh xe luân hồi của con người miên viễn vô tận trong lục đạo: sinh - chết - tái sinh - chết - sinh... vô tận. Hạnh phúc hay khổ đau của mỗi con người là do chính con người quyết định.

7. Maradathera. *Đức Phật và Phật pháp*, Nxb. Thuận Hóa và Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh, 1994, tr. 372.

8. Nhất Hạnh. *Ước hẹn với sự sống*, tr. 11.

9. Thích Thanh Từ. *Kinh Lăng già tâm ấn*, Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh, 1993, tr. 361.

Định mệnh của con người là do chính con người chứ không phải do thế lực vô hình, tối cao nào nằm ngoài thế giới, nằm ngoài con người quyết định. *Kinh Pháp cú* viết: "Đêm dài cho kẻ thức. Đường dài cho kẻ mệt. Luân hồi dài cho kẻ ngu. Không biết chân diệu pháp"⁽¹⁰⁾.

Thay lời kết luận

Khi giải đáp những câu hỏi của những người dân Kalama về những bản khoán của họ là không biết "đạo nào là chân lí"⁽¹¹⁾, "đạo nào không phù hợp với chân lí"⁽¹²⁾, Phật tổ Như Lai nói: "Các vị không nên vội tin hay bác bỏ quan điểm của đạo nào khi mà các vị chưa tìm hiểu đạo ấy một cách thấu đáo"⁽¹³⁾.

Điều này được hiểu là Phật tổ khuyên mọi người muốn tin hay không tin một đạo nào phải nghiên cứu kĩ càng giáo thuyết của nó. Phật đưa ra những lời khuyên và mong muốn mọi người cùng suy nghĩ. *Kinh nên tặng Đức Tin* viết:

"Một là, chớ vội tin một điều gì chỉ vì đó là truyền thuyết.

Hai là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều đó thuộc về truyền thống.

Ba là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều đó được nhiều người nhắc đến.

Bốn là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều đó được ghi lại trong kinh điển hay sách vở.

Năm là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều đó thuộc lí luận siêu hình.

Sáu là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều đó phù hợp với lập trường của mình.

Bảy là, chớ vội tin điều gì, khi mà điều đó được căn cứ trên những dữ kiện hời hợt.

Tám là, chớ vội tin điều gì, chỉ vì điều ấy phù hợp với định kiến của mình.

Chín là, chớ vội tin điều gì, chỉ vì điều ấy được sức mạnh và quyền uy ủng hộ.

Mười là, chớ vội tin điều gì, chỉ vì điều ấy được các nhà truyền giáo hay đạo sư của mình tuyên thuyết"⁽¹⁴⁾.

Những lời khuyên trên đây của Phật tổ cho thấy Phật giáo là một tôn giáo khoan dung, tôn giáo không mê tín, cuồng tín. Theo lời khuyên của Phật thì Phật không bắt buộc ai phải tin vào giáo thuyết của mình và cũng không kì thị ai hay trừng phạt ai không tin vào những giáo huấn của nó. Phật không ra lệnh và sắc luật yêu cầu bất kì ai phải tin vào giáo thuyết của Ngài. Phật chỉ đưa ra chủ kiến của mình để mọi người cùng suy ngẫm và bàn thảo. Phật không áp đặt. *Kinh nên tặng Đức Tin* viết: "Này các thiện nam tử, khi nghe một điều gì, các vị phải quán sát, suy tư và thể nghiệm. Chỉ khi nào, sau khi kiểm nghiệm quý vị thực sự thấy lời dạy này tốt lành, đạo đức, hướng thiện, chói sáng và được người trí tán thán. Nếu sống và thực hiện các lời dạy này sẽ đưa đến hạnh phúc, an lạc ngay hiện tại và về lâu về dài thì lúc ấy quý vị hãy đặt lòng tin bất động và thực hành theo"⁽¹⁵⁾./

10. Ti kheo Thích Minh Châu (dịch). *Kinh Pháp cú*, Thiên viện Vạn hạnh, Phật lịch 2540, 1996, tr. 42.

11. Thích Nhật Từ. *Kinh tụng hàng ngày*, Nxb. Tôn giáo, 2006, tr. 97-99.

12. Thích Nhật Từ. *Kinh tụng hàng ngày*, Nxb. Tôn giáo, 2006, tr. 97-99.

13. Thích Nhật Từ. *Kinh tụng hàng ngày*, Nxb. Tôn giáo, 2006, tr. 97-99.

14. Thích Nhật Từ. *Kinh tụng hàng ngày*, Nxb. Tôn giáo, 2006, tr. 97-99.

15. Thích Nhật Từ. *Kinh tụng hàng ngày*, Nxb. Tôn giáo, 2006, tr. 97-99.